

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-PT
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.
2. Ông Trần Trọng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Chính Hòa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định vụ án ra xét xử phúc thẩm số 429/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm: 1986, cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng K, sinh năm: 1971, nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Duy H, sinh năm: 1982, cư trú: Ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị T1, sinh năm: 1987, địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn, ông Lê Trọng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, ông Nguyễn Kim T trình bày:

Ông Lê Trọng K, ông Đoàn Duy H và ông Nguyễn Kim T cùng tham gia một nhóm trên ứng dụng Zoom, để sinh hoạt về đạo Tin Lành. Ông T biết được ông K là chủ dự án trồng chuối ở huyện T, tỉnh Tây Ninh. Do ông K cần trang bị hệ thống tưới nước cho cây chuối, mà ông T là chủ cơ sở kinh doanh T2, địa chỉ: số B, tỉnh lộ 879C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, chuyên phân phối điện, nước, dụng cụ nông nghiệp nên ông T, ông K thoả thuận mua bán vật tư, ông nước thông qua việc nhắn tin trên ứng dụng Zalo và điện thoại để đặt hàng.

Sau khi thống nhất, ông K đặt mua các sản phẩm từ ông T như sau: ông xẹp 42 có số lượng 218 cuộn (44 thùng); ông xẹp 60 có số lượng 11 cuộn (203kg), van D có số lượng 414 kg, van 42 Tân Hưng số lượng 86 cái, van 60 Taida có 50 cái, Keo BM (B) số lượng 20 lon, lupê 60 số lượng 01 cái. Hai bên thoả thuận miệng thời hạn thanh toán là 3 ngày sau khi nhận hàng, bên ông K sẽ chịu trách nhiệm lắp đặt các sản phẩm mua thành hệ thống tưới nước hoàn chỉnh. Ông K không có thoả thuận giao dịch với ông Đoàn Duy H.

Ngày 17/3/2023, ông T đi cùng ông K chở vật tư, ông nước lên dự án trồng chuối tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để giao nhận hàng hóa. Khi ông T chở hàng đến vườn chuối, ông T có làm biên bản giao nhận hàng hóa với ông K tại vườn chuối và ông K là người trực tiếp ký nhận và đồng ý nhận hàng. Nhưng đến nay ông K không chịu trả tiền và đổ lỗi cho người khác, trốn tránh trách nhiệm nói rằng mua hàng giùm cho ông Đoàn Duy H.

Khi giao hàng xong thì phía ông K có báo ông T hệ thống tưới sau khi lắp đặt xong thì sử dụng không được, ông T có lên xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để kiểm tra 02-03 lần, ông T xác định ông bán hàng ông phi 42 đục 03 lỗ theo yêu cầu của ông K đề ra (có tin nhắn kèm theo). Việc lắp đặt hệ thống tưới không hoạt động đúng yêu cầu là do lỗi lắp đặt bên phía ông K thực hiện. Do đó ông T đề nghị ông K trả đúng tiền mua hàng còn nợ.

Việc ông K báo trả hàng ông T do hệ thống không vận hành được, không phải lỗi của ông T. Mặt khác, vật tư phía ông K cũng đã lắp đặt rồi nên không thể bán lại cho người khác. Từ thời điểm nhận hàng, ông K không lên dự án trồng chuối nữa, mà giao cho hai nhân viên là ông Q và ông Đặng Vĩ H1 lắp đặt.

Về sau, qua điện thoại, ông K đồng ý để ông T tháo dỡ hệ thống tưới nước ra, và gửi giữ tại kho sản xuất Chao của nhà ông Võ Văn N, sinh năm: 1971, cư trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ông K có chuyển khoản cho ông T 2.000.000 đồng để thuê nhân công tháo dỡ. Ông T bỏ ra 10.000.000 đồng để thuê nhân công tháo dỡ.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu ông Lê Trọng K trả số tiền còn nợ mua vật tư, ông nước là 106.218.000 đồng. Ông T không yêu cầu vợ ông K và ông Đoàn Duy H liên đới trả.

Bị đơn ông Lê Trọng K trình bày:

Ông Lê Trọng K, ông Đoàn Duy H và ông Nguyễn Kim T cùng tham gia một nhóm trên ứng dụng Zoom, để sinh hoạt về đạo Tin Lành. Do ông K là người có uy tín trong nhóm, và ông Đoàn Duy H là chủ dự án trồng chuối ở huyện T, tỉnh Tây Ninh, ông H có đề nghị ông K đứng tên dự án này, để tiện giao dịch. Theo lời của

ông H, ông K có nhắn tin qua ứng dụng Zalo và điện thoại đặt mua hàng từ cơ sở kinh doanh T2, địa chỉ: số B, tỉnh lộ 879C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Kim T làm chủ, các sản phẩm đặt mua gồm: Ống xẹp 42 có số lượng 218 cuộn (44 thùng); ống xẹp 60 có số lượng 11 cuộn (203kg), van D có số lượng 414 kg, van 42 Tân Hưng số lượng 86 cái, van 60 Taida có 50 cái, keo BM (B) số lượng 20 lon, lupê 60 số lượng 01 cái. Hai bên thoả thuận miệng thời hạn thanh toán là sau khi ông H ký hợp đồng mua bán vật tư ống nước với ông T xong thì ông H sẽ thanh toán, bên ông K sẽ chịu trách nhiệm lắp đặt các sản phẩm mua thành hệ thống tưới nước hoàn chỉnh. Sự thoả thuận giữa ông Lê Trọng K và ông Đoàn Duy H là thoả thuận bằng lời nói.

Ngày 17/3/2023, ông T đi cùng ông K chở ống nước lên dự án trồng chuối tại xã T để giao nhận hàng hóa tại đây. Khi ông T chở hàng đến vườn chuối, sau khi ông Q và ông H1 kiểm tra hàng hoá xong, ông K có ký tên nhận hàng vào Hóa đơn bán lẻ - Biên bản giao hàng ngày 17/3/2023. Từ thời điểm này, ông K không có lên vườn chuối nữa mà giao cho ông Q và ông H1 lắp đặt hệ thống tưới nước cho vườn chuối, có chuyện gì xảy ra thì sẽ thông báo bằng điện thoại cho ông K.

Sau khi nhận hàng, bên ông K tiến hành lắp đặt hệ thống tưới nước xong thì phát hiện sai sót kỹ thuật. Cụ thể, bên nhân viên kỹ thuật của ông K phát hiện vật tư (ống xẹp phi 42) của ông T bị lỗi, khi lắp đặt không thể tưới cây đúng yêu cầu. Ông T có lên xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để kiểm tra. Ông K có báo ông T vấn đề này và thông báo với ông K là trả hàng. Ông K cho rằng ông T phải chịu trách nhiệm toàn bộ vấn đề kỹ thuật bị sai nhưng ông K không có yêu cầu khởi kiện phản tố trong vụ án này.

Trong quá trình thực hiện lắp đặt hệ thống tưới, còn một số vật tư thừa chưa lắp đặt được, hiện nay đã bị mất. Ông K có báo ông T nhận hàng về trước đó rồi nên trách nhiệm số hàng này thuộc về ông T, ông K không có ý kiến.

Ngoài ra đối với số vật tư đã lắp đặt rồi nhưng không sử dụng được trị giá khoảng 65.000.000 đồng thì ông T trong lần lên dự án có báo ông K, ông K đồng ý để ông T thuê nhân công tháo dỡ hệ thống tưới nước, ông K hỗ trợ cho ông T 2.000.000 đồng chi phí này. Ông K không nhận các tài sản này và không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Việc giao dịch mua vật tư trong vụ án này có sự tham gia của ông Đoàn Duy H và ông T cũng biết việc này. Hiện nay dự án đã thất bại và dừng, ông K đề nghị ông H có mặt cùng giải quyết, ông K sẽ trả tiền cho ông T trong trường hợp ông H trả tiền trước cho ông K. Nếu ông H không trả tiền cho ông K thì ông K sẽ khởi kiện ông H đến Tòa án có thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Duy H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án: Không có ý kiến trình bày .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1: Thống nhất với lời trình bày của ông T.

Tại Bản dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430; Điều 431, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Trọng K.

Ông Lê Trọng K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim T số tiền 106.218.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Lê Trọng K chịu án phí là 5.310.900 đồng.

Tạm ứng án phí, ông Nguyễn Kim T nộp 2.950.000 đồng theo biên lai số 0010846 ngày 27/12/2023; 0013066 ngày 17/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc được trả lại.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 26/6/2024, bị đơn, ông Lê Trọng K kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

** Nguyên đơn, ông Nguyễn Kim T trình bày:*

Yêu cầu ông Lê Trọng K trả số tiền còn nợ mua vật tư, ống nước là 106.218.000 đồng như yêu cầu tại cấp sơ thẩm. Không chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông K.

** Bị đơn, ông Lê Trọng K trình bày:*

Ông không đồng ý trả số tiền 106.218.000 đồng theo yêu cầu của ông T. Do dự án trông chuỗi là của ông Đoàn Duy H, ông chỉ là thay mặt ông H nhận hàng thay cho ông H mà thôi, nên trách nhiệm trả tiền là của ông Đoàn Duy H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Về thủ tục: Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của ông Lê Trọng K trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung;

Ông Nguyễn Kim T và ông Lê Trọng K xác định ông K có nhắn tin qua ứng dụng Zalo và điện thoại đặt mua vật tư, ống nước từ ông T. Như vậy hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

Ông Lê Trọng K thừa nhận ông K có ký tên vào Hóa đơn bán lẻ - Biên bản giao hàng ngày 17/3/2023 do ông T cung cấp. Khối lượng, số lượng, chủng loại hàng hoá trong hóa đơn bán lẻ phù hợp với lời khai của ông T, ông K, bao gồm: Ông xẹp 42 có số lượng 218 cuộn (44 thùng); ống xẹp 60 có số lượng 11 cuộn (203kg), van D có số lượng 414 kg, van 42 Tân Hưng số lượng 86 cái, van 60 Taida có 50 cái, Keo BM (B) số lượng 20 lon, lupê 60 số lượng 01 cái.

Toà án có tiến hành mở phiên đối chất để làm rõ giao dịch mua bán tài sản giữa ông H, ông K, ông T nhưng ông H không có mặt. Do đó lời trình bày của ông K liên quan việc ông H là người trực tiếp giao kết, ông K chỉ là người đứng ra ký tên, đứng ra nhận hàng thay cho ông H đối với quan hệ mua bán ống nước, vật tư với ông T là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ.

Ông K trình bày ông đồng ý trả tiền mua hàng cho ông T nhưng phải đợi ông H trả tiền cho ông K trước rồi ông K mới thanh toán nợ còn thiếu cho ông T, điều này đã cho thấy ông H không phải có nghĩa vụ trong việc mua bán này.

Từ những căn cứ trên, nhận thấy lời yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T là phù hợp, án sơ thẩm buộc ông Lê Trọng K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim T số tiền 106.218.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu kháng cáo của ông Lê Trọng K, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Trọng K được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Đoàn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vắng mặt; ông Lê Trọng K và bà Lê Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H, ông K và bà T1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T: Ông Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu ông Lê Trọng K trả số tiền còn nợ mua vật tư, ống nước là 106.218.000 đồng.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Trọng K. Ông Lê Trọng K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim T số tiền 106.218.000 đồng. Sau

khi án sơ thẩm tuyên, ông Lê Trọng K kháng cáo, các đương sự khác không kháng cáo.

[5] Nội dung kháng cáo của ông Lê Trọng K: Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Nội dung hợp đồng:

[6.1] Về việc thỏa thuận mua bán hàng hóa: Ông Nguyễn Kim T và ông Lê Trọng K xác định ông K có nhắn tin qua ứng dụng Zalo và điện thoại đặt mua vật tư, ông nước từ ông T.

[6.2] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc ông K cũng có lời khai: Một người tên H có nhờ ông K đứng tên thực hiện dự án trồng chuối ở xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ông K có đặt mua vật tư, ông nước và phụ kiện của ông Nguyễn Kim T để lắp đặt dự án trồng chuối này (BL-102).

[6.3] Ông K cũng thừa nhận ông K có nhận hàng và ký tên vào Hóa đơn bán lẻ - Biên bản giao hàng ngày 17/3/2023 do ông T cung cấp với khối lượng, số lượng, chủng loại hàng hoá phù hợp với lời khai của ông T, bao gồm: Ông xẹp 42 có số lượng 218 cuộn (44 thùng); ông xẹp 60 có số lượng 11 cuộn (203kg), van D có số lượng 414 kg, van 42 Tân Hưng số lượng 86 cái, van 60 Taida có 50 cái, Keo BM (B) số lượng 20 lon, lupê 60 số lượng 01 cái, với tổng số tiền là 106.218.000 đồng.

[6.4] Qua đó, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa ông Nguyễn Kim T và ông Lê Trọng K là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực và đã được thực hiện trong thực tế.

[7] Ông K cho rằng, giao dịch thực sự là của ông H, ông chỉ là người thay mặt ông H giao dịch với ông T. Ông T không thừa nhận, cho rằng chính ông K là người trực tiếp giao dịch với ông T. Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành mở phiên đối chất để làm rõ giao dịch mua bán tài sản giữa ông H, ông K, ông T nhưng ông H không có mặt [BL-108]. Ông K cũng không có gì chứng minh lời trình bày của mình là có cơ sở. Do đó lời trình bày của ông K liên quan việc ông H là người trực tiếp giao kết, ông K chỉ là người đứng ra ký tên, đứng ra nhận hàng thay cho ông H mua bán ông nước, vật tư với ông T là không có cơ sở, cần xác định việc mua bán là được xác lập giữa ông T và ông K.

[8] Ông K đồng ý trả tiền mua hàng cho ông T nhưng phải đợi ông H trả tiền cho ông K trước rồi ông K mới thanh toán nợ còn thiếu cho ông T. Lời trình bày của ông K không được ông T đồng ý. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận theo yêu cầu của ông T buộc ông K có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 106.218.000 đồng là có cơ sở. Trường hợp, ông K cho rằng ông Đoàn Duy H có trách nhiệm nghĩa vụ tài sản với ông thì ông K được quyền nộp đơn khởi kiện trong vụ án khác đến Tòa án có thẩm quyền.

[9] Ông K kháng cáo nhưng không có cơ sở, nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[10] Các khoản khác không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[11] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Trọng K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430; Điều 431, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Trọng K.

Ông Lê Trọng K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Kim T số tiền 106.218.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Lê Trọng K chịu án phí là 5.310.900 đồng.

Tạm ứng án phí, ông Nguyễn Kim T nộp 2.950.000 đồng theo Biên lai số 0010846 ngày 27/12/2023; 0013066 ngày 17/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc được trả lại.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Trọng K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0013096 ngày 26/6/2024 của Chi cục hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Uẩn